

Số: /QĐ-TTHA

Vạn Đức, ngày tháng 04 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026**  
**của Trung tâm Y tế Hoài An.**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HOÀI AN**

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư 26/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 584/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Nhân tỉnh Gia Lai về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế Hoài An;*

*Căn cứ Quyết định số 1693/QĐ-SYT ngày 10 tháng 04 năm 2026 của Sở Y tế Gia Lai về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế toán.*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Công bố công khai điều chỉnh dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho Trung tâm Y tế Hoài An theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Tổ chức – Hành chính và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Sở Y tế;
- Trang TTĐT đơn vị;
- Lưu: VT, TC-KT.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Minh Phùng**

**Đơn vị: Trung tâm Y tế Hoài Ân.**  
**Chương: 423**

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**  
*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTHA ngày tháng 04 năm 2026 của Trung tâm Y tế Hoài Ân)*

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

Số TT	Nội dung	TC NKP	Tổng cộng	Hệ điều trị	Khoa kiểm soát bệnh tật, HIV/AIDS, YTCC, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	Phòng dân số
	<b>Loại</b>			<b>130</b>		
	<b>Khoản</b>			<b>132</b>	<b>131</b>	<b>151</b>
	<b>Mã loại dự toán</b>			<b>Đầu năm</b>		
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>					
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>					
<b>I</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>					
<b>1</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>					
<b>1.1</b>	<b>Dự toán được giao</b>		<b>-5.118.000</b>	<b>-5.111.000</b>	<b>-7.000</b>	<b>0</b>
a	Kinh phí thực tự chủ tài chính		16.669.900	11.836.000	4.008.400	825.500
	Ngân sách nhà nước cấp/hỗ trợ chi thường xuyên cho quỹ tiền lương và chi hoạt động thường xuyên		16.669.900	11.836.000	4.008.400	825.500
	-Quỹ tiền lương, phụ cấp và đóng góp theo quy định		16.057.000	11.836.000	3.517.000	704.000
	-Chi hoạt động thường xuyên		612.900	0	491.400	121.500
b	Kinh phí không thực hiện tự chủ tài chính		-21.787.900	-16.947.000	-4.015.400	-825.500
	Ngân sách nhà nước cấp/hỗ trợ chi thường xuyên cho quỹ tiền lương và chi hoạt động thường xuyên		-21.787.900	-16.947.000	-4.015.400	-825.500
	-Quỹ tiền lương, phụ cấp và đóng góp theo quy định		-21.175.000	-16.947.000	-3.524.000	-704.000
	-Chi hoạt động thường xuyên		-612.900	0	-491.400	-121.500
<b>1.2</b>	<b>Dự toán bị khấu trừ</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>1.3</b>	<b>Dự toán đơn vị được rút tại KBNN</b>		<b>-5.118.000</b>	<b>-5.111.000</b>	<b>-7.000</b>	<b>0</b>
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		16.669.900	11.836.000	4.008.400	825.500
	Ngân sách nhà nước cấp/hỗ trợ chi thường xuyên cho quỹ tiền lương và chi hoạt động thường xuyên	13	16.669.900	11.836.000	4.008.400	825.500
	-Quỹ tiền lương, phụ cấp và đóng góp theo quy định	13	16.057.000	11.836.000	3.517.000	704.000
	-Chi hoạt động thường xuyên	13	612.900	0	491.400	121.500
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		-21.787.900	-16.947.000	-4.015.400	-825.500
	Ngân sách nhà nước cấp/hỗ trợ chi thường xuyên cho quỹ tiền lương và chi hoạt động thường xuyên	12	-21.787.900	-16.947.000	-4.015.400	-825.500
	-Quỹ tiền lương, phụ cấp và đóng góp theo quy định	12	-21.175.000	-16.947.000	-3.524.000	-704.000
	-Chi hoạt động thường xuyên	12	-612.900	0	-491.400	-121.500
<b>2</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>					
	Phòng Giao dịch thuộc Kho bạc Nhà nước khu vực nơi đơn vị sử dụng NS giao dịch			<b>KBNN Khu vực XV- PGD số 4</b>		